

KHÁI TOÁN KINH PHÍ LẬP HỒ SƠ KHOA HỌC CA HUẾ TRÌNH UNESCO
GHI DANH VÀO DANH SÁCH DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ ĐẠI DIỆN CỦA NHÂN LOẠI

(Kèm theo kế hoạch số **571** /KH-UBND ngày **12** /**04**/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số người	Số ngày	Đơn giá	Số tiền	Ghi chú
A	KINH PHÍ KIỂM KÊ, SƯU TẦM VÀ LẬP HỒ SƠ DI SẢN CA HUẾ					1,650,291,500	
I	KIỂM KÊ, HOÀN THIỆN BẢN CAM KẾT DI SẢN CA HUẾ					1,190,216,500	
	Lập, phê duyệt kế hoạch kiểm kê; kế hoạch rà soát, cập nhật, Danh mục kiểm kê di sản văn hóa					5,679,500	
	Lập kế hoạch kiểm kê		4		307,000	1,228,000	
	Lập kế hoạch rà soát, cập nhật, đưa ra khỏi Danh mục kiểm kê di sản văn hóa		3		307,000	767,500	
	Nghiên cứu thu thập tư liệu, thông tin hiện có liên quan đến đối tượng kiểm kê		9		307,000	2,763,000	
	Xây dựng báo cáo kết quả thu thập tư liệu, thông tin hiện có liên quan đến đối tượng kiểm kê		3		307,000	921,000	
	Tập huấn cho những người tham gia kiểm kê					6,754,000	
	Biên soạn tài liệu tập huấn kiểm kê		12		307,000	3,684,000	
	Lập phiếu kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể		10		307,000	3,070,000	
	Khảo sát điền dã, thu thập tư liệu, thông tin về đối tượng kiểm kê					8,442,500	
	Thu thập tư liệu, thông tin về đối tượng kiểm kê		12		307,000	3,684,000	
	Tập hợp, phân tích, đánh giá thông tin trên phiếu kiểm kê		5		307,000	1,535,000	
	Xây dựng báo cáo phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin tư liệu, thông tin về đối tượng kiểm kê		10		307,000	3,070,000	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số người	Số ngày	Đơn giá	Số tiền	Ghi chú
	Điền thông tin vào phiếu kiểm kê (theo mẫu, đối với 01 di sản văn hóa phi vật thể)		1		307,000	153,500	Thông tư số 25/2025/TT-BVHTTDL
	Lập danh mục kiểm kê					3,070,000	
	Điền thông tin vào Danh mục kiểm kê		5		307,000	1,535,000	
	Tập hợp, hoàn thiện Danh mục kiểm kê		5		307,000	1,535,000	
	Tổng hợp, đánh giá, báo cáo kết quả kiểm kê sơ bộ và thông báo với cộng đồng địa phương					4,174,500	
	Tổng hợp, đánh giá, lập báo cáo kết quả kiểm kê sơ bộ		8		307,000	2,302,500	
	Hội nghị xin ý kiến cộng đồng địa phương về kết quả kiểm kê	cuộc	1		30,000	30,000	
	Tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ		6		307,000	1,842,000	
	Lập hồ sơ kiểm kê					5,556,000	
	Tập hợp Báo cáo kết quả kiểm kê; Phiếu kiểm kê; Danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể; Băng ghi âm, ghi hình, ảnh; Nhật ký khảo sát điền dã và các tài liệu khác có liên quan		12		307,000	3,684,000	
	Tổ chức hội nghị, hội thảo về kết quả kiểm kê	cuộc	1		30,000	30,000	
	Nghiên cứu tiếp thu, giải trình hoàn thiện hồ sơ kiểm kê		6		307,000	1,842,000	
	Tổng kết, đánh giá và nghiệm thu					9,210,000	
	Xây dựng báo cáo kiểm kê		7		307,000	2,149,000	
	Xin ý kiến chuyên gia phân biện		6		307,000	1,842,000	
	Nghiên cứu, tiếp thu giải trình, hoàn thiện hồ sơ		6		307,000	1,842,000	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số người	Số ngày	Đơn giá	Số tiền	Ghi chú
	Thành lập hội đồng đánh giá nghiệm thu		6		307,000	1,842,000	
	Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả kiểm kê		5		307,000	1,535,000	
	Thực hiện cuốn cam kết					27,630,000	
	Biên soạn quyền cam kết (2.000 trang tiếng Việt + Anh) gồm: xây dựng mẫu cam kết, tổng hợp sắp xếp hệ thống hóa bản cam kết, lên danh mục cá nhân đại diện: (Hạng III, bậc 2 x 30 ngày công) = $2.67 \times 2.530.000/22 \times 30 \text{ ngày} = 307.000\text{đ} \times 30 \text{ ngày} \times 2 \text{ người}$	Người	2	30	307,000	18,420,000	Vận dụng Thông tư 25/2025/TT-BVHTTDL
	Tập hợp toàn bộ dữ liệu cam kết chỉnh sửa, biên tập thành 1 file PDF hoàn chỉnh (2.000 trang tiếng Việt + Anh) (Hạng III, bậc 2 x 30 ngày công) = $2.67 \times 2.530.000/22 \text{ ngày công} = 307.000\text{đ} \times 30 \text{ ngày} \times 1 \text{ người}$	Người	1	30	307,000	9,210,000	Vận dụng Thông tư 25/2025/TT-BVHTTDL
	Dịch vụ thuê ngoài cuộc kiểm kê, hoàn thiện bản cam kết:					997,200,000	
	Thuê xe 7 chỗ cho cán bộ Viện Âm nhạc đi kiểm kê: 72 ngày x 2.500.000đ	Ngày	1	72	2,500,000	180,000,000	TT theo giá thị trường
	Tiền ăn cho cán bộ đi kiểm kê: 6 người x 72 ngày x 300.000đ	Ngày	6	72	300,000	129,600,000	Theo TT số: 12/2025/TT-BTC
	Tiền ngủ cho cán bộ đi kiểm kê: 6 người x 71 ngày x 600.000đ	Ngày	6	71	600,000	255,600,000	Theo TT số: 12/2025/TT-BTC
	Chi trả thù lao nghệ nhân trả lời phỏng vấn: 90 người x 400.000đ	người	90	1	400,000	36,000,000	Thanh toán theo thỏa thuận, phỏng vấn chuyên sâu
	Chi thù lao cho người trả lời phiếu: 600 phiếu x 40.000đ (dưới 30 chỉ tiêu)	Phiếu	600	1	40,000	24,000,000	TT 109/2016 TT-BTC, sửa đổi Thông tư 37/2022/TT-BTC
	Dịch văn bản kiểm kê: 200 trang x 300.000đ/trang	Trang	200	1	360,000	72,000,000	Thông tư 35/2026/TT-BTC
	Dịch tiếng anh toàn bộ bản cam kết: 300.000đ/trang (350 từ/trang x 1.000 trang)	Trang	1,000		300,000	300,000,000	Thông tư 35/2026/TT-BTC
	Thẩm định và nộp hồ sơ					97,500,000	
	Nghiệm thu cấp cơ sở (tổ chức tại Huế) - 02 lần x 30.000.000đ/lần	Lần	2		30,000,000	60,000,000	Thanh toán theo từng lần thẩm định
	Trình hồ sơ lên Bộ VH&TT&DL xin ý kiến thẩm định; (Báo cáo trước Hội đồng Di sản Văn hoá Quốc gia xin ý kiến đóng góp để hoàn thiện hồ sơ (Mẫu ICH, Ảnh và Phim 10'). Khoảng 4 cuộc	Gói				30,000,000	Thanh toán theo từng lần thẩm định
	Kinh phí Scan tài liệu gửi sang Unesco: 3.000 trang x 2.000đ/trang	Trang	3,000		2,000	6,000,000	Điều 4 Thông tư số 71/2022/TT-BTC. Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số người	Số ngày	Đơn giá	Số tiền	Ghi chú
	Chi phí biên tập hậu kỳ (Đặt tên file, lập mục lục số hóa gửi UNESCO)	Gói	1		1,500,000	1,500,000	Điều 4 Thông tư số 71/2022/TT-BTC. Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT
	Văn phòng phẩm cho các cuộc họp và toàn bộ hồ sơ					25,000,000	TT theo từng hạng mục cụ thể và theo giá thị trường
II	KINH PHÍ VIẾT LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA DI SẢN CA HUẾ					199,075,000	
1	Nghiên cứu và xây dựng kế hoạch/ chương trình hành động quốc gia về bảo vệ di sản: 55.000.000đ/26 ngày = 2.115.000 đ x 10 ngày công x 2 người	ngày	2	10	2,115,000	42,300,000	Thông tư số 7/2026/TT-BNV
2	Xây dựng Lý lịch khoa học về di sản văn hoá phi vật thể theo mẫu của UNESCO (Mẫu ICH-02): 55.000.000đ/26 ngày = 2.115.000 đ x 15 ngày công x 2 người	Người	2	15	2,115,000	63,450,000	
3	Thuê 3 chuyên gia (phản biện độc lập) cho Hồ sơ: 55.000.000đ/26 ngày = 2.115.000 đ x 5 ngày công x 3 người	Người	3	5	2,115,000	31,725,000	
4	Dịch thuật toàn bộ lý lịch khoa học của Ca Huế sang tiếng Anh (Bao gồm cả dịch lại các lần chỉnh sửa hồ sơ)	Trang	30		360,000	10,800,000	Thông tư 35/2026/TT-BTC
5	Thuê chuyên gia biên tập, hiệu đính lại lý lịch khoa học tiếng Anh	Trang	30		360,000	10,800,000	Thông tư 35/2026/TT-BTC
6	Chi thuê cố vấn khoa học (02 người * 20.000.000 đ/ người)	người	2		20,000,000	40,000,000	Hợp đồng thỏa thuận
III	Chi Công tác phí đoàn công tác chuyên gia và cố vấn khoa học					261,000,000	
	Công tác phí - Phụ cấp lưu trú (5 ngày/đợt x 2 đợt x 8 người/đợt)	Đồng/người/ ngày	80		300,000	24,000,000	TT12/2025
	Khoản thuê phòng nghỉ (4 đêm/đợt x 2 đợt x 8 người)	Đồng/người/đêm	64		500,000	32,000,000	TT12/2026
	Chi phí thuê xe ô tô đi điều tra, nghiên cứu trọn gói (5 ngày/đợt x 3.000.000 đồng/ngày)	Đồng/ngày	10		3,000,000	30,000,000	Theo thực tế
	Tiền thuê xe đưa đón các chuyên gia và đoàn công tác	ngày	30		2,500,000	75,000,000	Theo thực tế
	Tiền vé máy bay khứ hồi Hà Nội - Huế và ngược lại	Đồng/vé	20		5,000,000	100,000,000	Theo thực tế
B	KINH PHÍ TỔ CHỨC HỘI THẢO					2,307,435,000	
I	TỔ CHỨC HỘI THẢO TRONG NƯỚC TẠI THÀNH PHỐ HUẾ					382,135,000	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số người	Số ngày	Đơn giá	Số tiền	Ghi chú
1	Các chi phí cho Hội thảo					208,000,000	
	Tiền thuê hội trường tổ chức hội thảo khoa học	Ngày		1		15,000,000	Theo hóa đơn thực tế
	Thành viên tham gia hội thảo gồm: 120 người 1 ngày x 300.000đ/ngày	Người	120	1	300,000	36,000,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Tiền ăn cho người tham gia hội thảo: 50 người (không hưởng lương ngân sách nhà nước x 300.000đ	Người	50	1	300,000	15,000,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Báo cáo viên trình bày tại Hội thảo: 16 bài x 3.000.000đ/bài	Bài	16	1	3,000,000	48,000,000	Thông tư 03/2023/TT-BTC
	Tiền giải khát giữa giờ: 140 người x 01 ngày x 100.000đ (Bao gồm cả BTC, phục vụ, quay phim)	Người	140	1	100,000	14,000,000	khoản 7 Điều 1 TT 12/2025/TT-BTC
	Chi phí photo, biên soạn, sắp xếp tài liệu					5,000,000	Theo hóa đơn thực tế
	Mời cơm thân mật: 500.000đ/người x 150 người	người	150	1	500,000	75,000,000	Thông tư 35/2026/TT-BTC
2	Chi cho đại biểu Hà Nội có tham luận					35,500,000	
	Tiền vé máy bay cho đại biểu: 5 vé x 5.000.000đ	Vé	5	1	5,000,000	25,000,000	Thanh toán theo thực tế
	Tiền ăn của đại biểu: 5 người x 3 ngày x 300.000đ	Người	5	3	300,000	4,500,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Tiền ngủ: 5 người x 02 ngày x 600.000đ	Người	5	2	600,000	6,000,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
3	Chi cho đại biểu Tp. HCM có tham luận					28,200,000	
	Tiền vé máy bay cho đại biểu: 2 vé x 5.000.000đ	Vé	2	1	5,000,000	10,000,000	Thanh toán theo thực tế
	Tiền ăn của đại biểu: 2 người x 3 ngày x 300.000đ	Người	2	3	300,000	1,800,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Tiền ngủ: 2 người x 02 ngày x 600.000đ	Người	2	2	600,000	2,400,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Tiền xây dựng đề cương Hội thảo chi tiết được duyệt	Bộ		1	2,000,000	2,000,000	TT 36/2018/TT-BTC, sửa đổi 06/2023/TT-BTC
	Tiền thù lao viết báo cáo tổng thuật hội thảo khoa học	Bộ		1	2,000,000	2,000,000	TT 36/2018/TT-BTC, sửa đổi 06/2023/TT-BTC
	Người chủ trì: 2 người x 2.000.000đ/buổi x 2 buổi	Người	2	2	2,000,000	8,000,000	Thông tư 03/2023/TT-BTC
	Thư ký hội thảo: 2 người x 500.000đ/buổi x 2 buổi	Người	2	2	500,000	2,000,000	Thông tư 03/2023/TT-BTC

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số người	Số ngày	Đơn giá	Số tiền	Ghi chú
4	Chi phí cho Ban tổ chức (đơn vị tư vấn)					69,350,000	
	Tiền thuê nhân công chuẩn bị trước và sau hội thảo: (Hạng III, bậc 2 x 5 ngày công) = 2.67 x 2.530.000/22 ngày công = 307.000đ x 10 người x 5 ngày	Người	10	5	307,000	15,350,000	Vận dụng Thông tư 25/2025/TT-BVHTTDL
	Tiền ăn cho Ban tổ chức: 10 người x 5 ngày x 300.000đ	Người	10	5	300,000	15,000,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Tiền ngủ cho Ban tổ chức (Hà Nội): 600.000đ x 6 người x 4 ngày	Người	6	4	500,000	12,000,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Tiền vé máy bay cho BTC của Hà Nội: 6 vé x 4.500.000đ	Vé	6	1	4,500,000	27,000,000	Thanh toán theo thực tế
5	Kinh phí cho đoàn quay phim làm tư liệu					41,085,000	
	Xăng xe 29 chỗ khứ hồi cho BTC Viện Âm nhạc: Hà Nội - Huế - Hà Nội (1.500km x 25L/100km = 375L x 29.000đ/L)	Gói	1	375	29,000	10,875,000	Thanh toán theo hóa đơn
	Tiền ăn cho đoàn quay phim tư liệu: 10 người x 300.000đ x 3 ngày	Người	10	3	300,000	9,000,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Tiền ngủ cho đoàn quay phim tư liệu: 10 người x 600.000đ x 2 đêm	Người	10	2	600,000	12,000,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Tiền thuê nhân công cho đoàn quay phim tư liệu: 2.67 x 2.530.000/22 ngày công = 307.000đ x 10 người x 3 ngày	Người	10	3	307,000	9,210,000	Vận dụng Thông tư 25/2025/TT-BVHTTDL
II	KINH PHÍ TỔ CHỨC HỘI THẢO QUỐC TẾ TẠI HUẾ (2 ngày Hội thảo + 01 ngày thực tế)					1,925,300,000	
1	Tổ chức họp báo					42,100,000	
	Vé máy bay cho Ban tổ chức Hà Nội - Huế - Hà Nội: 6 vé x 4.000.000đ	Ngày	6		4,000,000	24,000,000	TT theo hóa đơn thực tế
	Tiền ăn cho Ban tổ chức (Cục Di sản + Viện Âm nhạc): 6 người x 2 ngày x 300.000đ	Ngày	6	2	300,000	3,600,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Tiền ngủ (Cục Di sản + Viện Âm nhạc): 5 người x 01 ngày x 600.000đ	Ngày	5	1	600,000	3,000,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Trang trí, khánh tiết (hoa, phong chữ...)					2,000,000	TT theo hóa đơn thực tế
	KP in ấn, sắp xếp, phân chia tài liệu: 20.000đ/bộ x 50 bộ					1,000,000	TT theo hóa đơn thực tế
	Thù lao viết thông cáo báo chí					2,000,000	TT theo thỏa thuận
	Thù lao phục vụ (lễ tân, hậu cần, tư liệu...): 5 người x 100.000đ	Người	5	1	100,000	500,000	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số người	Số ngày	Đơn giá	Số tiền	Ghi chú
	Người chủ trì: 2 người x 1.000.000đ	Người	2	1	1,000,000	2,000,000	Vận dụng Thông tư 03/2023/TT-BTC
	Thù lao phóng viên báo chí: 20 người x 200.000đ	Người	20	1	200,000	4,000,000	
2	Chi phí khách mời quốc tế về dự Hội thảo quốc tế:					677,000,000	
	Vé máy bay + Visa cho đại biểu quốc tế đến Hà Nội và ngược lại						
	+ 5 người (Châu Âu + Mỹ) x 60.000.000đ	Người	5	1	60,000,000	300,000,000	TT theo giá thị trường
	+ 5 người (Châu Á) x 20.000.000đ	Người	5	1	20,000,000	100,000,000	TT theo giá thị trường
	Vé máy bay khứ hồi cho khách quốc tế từ Hà Nội - Huế: 10 vé x 4.500.000đ	Người	10	1	4,500,000	45,000,000	TT theo giá thị trường
	Tiền thuê phòng nghỉ 06 đêm - 7 ngày bao gồm (02 ngày tại Hà Nội + 04 ngày tại tỉnh Thừa Thiên Huế)						
	Tiền thuê phòng cho đại biểu quốc tế (Khách hạng C): 2.300.000đ x 10 phòng x 02 đêm tại Hà Nội (01 ngày lúc đến + 01 ngày trước khi bay về nước)	Ngày	10	2	2,300,000	46,000,000	TT 35/2026/TT-BTC
	Tiền thuê phòng cho đại biểu quốc tế (Khách hạng C): 10 phòng x 04 ngày x 2.500.000đ tại Huế	Ngày	10	4	2,300,000	92,000,000	TT 35/2026/TT-BTC
	Tiền ăn cho đại biểu quốc tế: 10 người x 7 ngày x 1.200.000đ (Bao gồm cả tiền ăn 3 ngày ở Hà Nội (1 ngày đến + 1 ngày ở HN + 01 ngày về) - Có những khách có giờ bay khác nhau nên sẽ thanh toán theo số ngày khách ở thực tế tại Hà Nội nhưng không vượt quá 3 ngày	Người	10	7	1,200,000	84,000,000	TT 35/2026/TT-BTC
	Chi phí đưa đón sân bay, phục vụ đại biểu					10,000,000	TT theo hóa đơn thực tế
3	Kinh phí công tác giao dịch và chuẩn bị tài liệu cho Hội thảo					58,660,000	
	Trả tiền công cho giao dịch quốc tế: 2 người x 30 ngày x 200.000đ	Người	2	30	300,000	18,000,000	QĐ 47/2019/QĐ-UBND
	Chi phí mua giấy bút, cặp tài liệu, mực in làm thẻ tên cho đại biểu					5,000,000	TT theo hóa đơn
	Thuê chuyên gia viết giới thiệu khái quát về ca Huế: 55.000.000đ/26 ngày công = 2.115.000đ x 4 ngày công	Người	1	4	2,115,000	8,460,000	Thông tư số 7/2026/TT-BNV
	Thuê người dịch tài liệu giới thiệu sang tiếng Anh: 10 trang x 360.000đ	Trang	10		360,000	3,600,000	TT 35/2026/TT-BTC
	Thuê biên tập tài liệu giới thiệu tiếng Anh: 10 trang x 360.000đ	Trang	10		360,000	3,600,000	TT 35/2026/TT-BTC

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số người	Số ngày	Đơn giá	Số tiền	Ghi chú
	Làm tài liệu gửi khách quốc tế (Băng đĩa, dịch lời ca, chi phí gửi...)	Gói				20,000,000	
4	Kinh phí mời các chuyên gia, nhà nghiên cứu văn hóa, Sở Văn hóa các tỉnh thành...					142,600,000	
	Ăn ở, đi lại, cho đại biểu Hà Nội, Tp.HCM dự hội thảo (16 người)						
	Vé máy bay khứ hồi cho đại biểu: 16 người x 5.000.000đ	Người	16	1	5,000,000	80,000,000	TT theo hóa đơn
	Tiền taxi đi lại khứ hồi (gồm cả tiền đi lại trong thời gian diễn ra hội nghị)	Gói				5,000,000	TT theo hóa đơn
	Thuê phòng nghỉ cho đại biểu: 16 người x 4 ngày x 600.000đ	Người	16	4	600,000	38,400,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Tiền ăn cho Đại biểu: 16 người x 4 ngày x 300.000đ	Người	16	4	300,000	19,200,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
5	Kinh phí đi lại, ăn ở cho Ban tổ chức (đơn vị tư vấn)					106,395,000	
	Vé máy bay cho lãnh đạo Bộ + Cục Di sản văn hóa: 6 người x 5.000.000đ	Người	6	1	5,000,000	30,000,000	TT theo hóa đơn
	Tiền ngủ lãnh đạo Bộ + Cục Di sản văn hóa: 6 người x 4 ngày x 600.000đ	Ngày	6	4	600,000	14,400,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Tiền ăn lãnh đạo Bộ + Cục Di sản văn hóa: 6 người x 5 ngày x 300.000đ	Ngày	6	5	300,000	9,000,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Xăng xe khứ hồi cho BTC Viện Âm nhạc Hà Nội - Huế - Hà Nội (1.500km x 17L/100km x 29.000đ/L)	Gói	255	1	29,000	7,395,000	TT theo hóa đơn
	Thuê phòng nghỉ: 8 người x 6 đêm x 600.000đ (Cả ngày chuẩn bị)	Ngày	8	6	600,000	28,800,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Tiền ăn: 8 người x 7 ngày x 300.000đ	Ngày	8	7	300,000	16,800,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
6	Kinh phí chi thù lao cho Hội thảo					232,245,000	
	Thù lao báo cáo viên cho đại biểu quốc tế: 10 bài x 3.000.000đ	Bài	10		3,000,000	30,000,000	TT 35/2026/TT-BTC
	Thù lao báo cáo viên cho đại biểu trong nước: 20 bài x 3.000.000đ	Bài	20		3,000,000	60,000,000	Thông tư 03/2023/TT-BTC
	Thù lao viết đề cương nội dung+đề dẫn KH+ báo cáo tổng thuật: 3 bài x 2.500.000đ	Bài	3		2,500,000	7,500,000	Thông tư 03/2023/TT-BTC
	Người chủ trì: 2.000.000đ/buổi x 3 người x 4 buổi	Người	3	4	2,000,000	24,000,000	Thông tư 03/2023/TT-BTC

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số người	Số ngày	Đơn giá	Số tiền	Ghi chú
	Thư ký hội thảo: 500.000đ/buổi x 2 người x 4 buổi	Người	2	4	500,000	4,000,000	Thông tư 03/2023/TT-BTC
	Thành viên tham gia hội thảo gồm: khách mời, phóng viên báo chí: 300.000đ/người/ngày x 160 người x 2 ngày	Người	160	2	300,000	96,000,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Tiền công liên lạc viên và phiên dịch: 2.67 x 2.530.000đ/22 ngày = 307.000đ x 5 người x 7 ngày	Ngày	5	7	307,000	10,745,000	Vận dụng Thông tư 25/2025/TT-BVHTTDL
7	Kinh phí thuê cơ sở vật chất, dịch ca bin và tổ chức tiệc chào mừng cho Hội thảo					488,000,000	
	Thuê hội trường: 20.000.000đ x 2 ngày	Ngày	1	2	20,000,000	40,000,000	TT theo hóa đơn
	Tea - Break: 50,000đ/người/buổi x 200 khách x 4 buổi	Người	200	4	50,000	40,000,000	TT theo hóa đơn
	Chi phí khánh tiết, băng rôn...					20,000,000	TT theo hóa đơn
	Thuê ca bin và các thiết bị dịch: 250,000đ/bộ x 200 bộ x 2 ngày	Ngày	200	2	250,000	100,000,000	TT theo hóa đơn
	Hệ thống VEGA (gồm 200 tai nghe cho đại biểu, 01 hệ thống tổng nguồn cho phiên dịch; 05 mic bàn cho chủ tọa, 02 mic không dây, 02 tai nghe phiên dịch, cáp kỹ thuật đồng bộ)						
	Hệ thống cabin dịch gồm (01 cabin dịch cho 2 phiên dịch, tai nghe phiên dịch, đèn phiên dịch, cáp kỹ thuật đồng bộ)						
	Thiết bị ghi âm kỹ thuật số 2 chiều (Ghi âm trong 8 giờ, ghi = laptop, công ghi, copy ra CD						
	Hệ thống âm thanh hội thảo đơn giản (Amply, 2 micro không dây, 2 loa phát)						
	Máy chiếu LCD						
	Thuê người dịch cabin (bao gồm thù lao, ăn ở, đi lại): 2 người x 2 ngày x 12.000.000đ/người/ngày	Ngày	2	2	12,000,000	48,000,000	khoản b điều 11 TT 35/2026/TT-BTC
	Chi phí tiệc chiêu đãi ngày khai mạc: 1.200.000đ/người x 200 người x 1 tiệc	Người	200	1	1,200,000	240,000,000	TT 35/2026/TT-BTC
8	Tổ chức đưa đại biểu đi thực tế					40,000,000	
	Thù lao khoán gọn cho buổi trình diễn Ca Huế (trình diễn chọn lọc 2 không gian)	buổi	2	1	15,000,000	30,000,000	TT theo thỏa thuận
	Thuê xe cho khách mời, đại biểu: 2 xe (xe 45 chỗ) x 5.000.000đ	Xe	2		5,000,000	10,000,000	TT theo hóa đơn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số người	Số ngày	Đơn giá	Số tiền	Ghi chú
9	Kinh phí quay phim tư liệu hội thảo quốc tế					138,300,000	
	Xăng xe 29 chỗ cho đoàn quay phim (Hà nội - Huế - Hà Nội): 2.700.000đ x 5 ngày	Ngày	5	1	2,700,000	13,500,000	TT theo hóa đơn
	Tiền ăn cho đoàn: 12 người x 5 ngày x 300.000đ	Ngày	12	5	300,000	18,000,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Tiền ngủ cho đoàn: 12 người x 4 ngày x 600.000đ	Ngày	12	4	600,000	28,800,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Thuê quay phim: 3 người x 5 ngày x 2.500.000đ	Ngày	3	5	2,500,000	37,500,000	Thanh toán theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê kỹ sư âm thanh: 02 người x 5 ngày x 2.500.000đ	Ngày	5	2	2,500,000	25,000,000	Thanh toán theo hợp đồng thỏa thuận
	Tiền thù lao cho cán bộ phụ quay, âm thanh, ánh sáng, hậu cần, tư liệu: 7 người x 5 ngày x 300.000đ	Ngày	7	5	300,000	10,500,000	Thanh toán theo hợp đồng thỏa thuận
	Mua vật tư quay phim (Ổ cứng, Pin thu thanh...)					5,000,000	TT theo hóa đơn
C	KINH PHÍ QUAY PHIM, THU THANH LẬP BỘ HỒ SƠ CÔNG NGHỆ					3,851,385,000	
1	Kinh phí khảo sát (Thuê chuyên gia Viện Âm nhạc)					229,325,000	
	Xăng xe khứ hồi cho đoàn khảo sát (Hà Nội - Huế - Hà Nội) (2.500km x 17L/100km x 29.000đ/L	Gói	1	425	29,000	12,325,000	Thanh toán theo HĐ từng lần đổ
	Tiền ngủ cho đoàn khảo sát: 4 người x 20 ngày x 600.000đ	Ngày	4	20	600,000	48,000,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Tiền ăn cho đoàn khảo sát: 4 người x 21 ngày x 300.000đ	Người	4	21	300,000	25,200,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Tiền công thuê người khảo sát: 2.67 x 2.530.000đ/22 ngày = 307.000đ x 4 người x 21 ngày	Người	4	21	300,000	25,200,000	Vận dụng Thông tư 25/2025/TT-BVHTTDL
	Tiền ăn và thù lao bồi dưỡng cho đối tượng phục vụ khảo sát: 36 người x 300.000đ	Người	36	1	300,000	10,800,000	
	Thuê quay phim: 01 người x 21 ngày x 2.500.000đ (bao gồm thù lao, tiền ăn, ngủ)	Người	1	21	2,500,000	52,500,000	Thanh toán theo hợp đồng thỏa thuận
2	Kinh phí thuê máy móc thiết bị						
	Máy camera và chân máy: 01 máy x 21 ngày x 1.800.000đ/máy	Ngày	1	21	1,800,000	37,800,000	Thanh toán theo giá thị trường
	Micro không dây: 1 chiếc x 21 ngày x 500.000đ	Ngày	1	21	500,000	10,500,000	Thanh toán theo giá thị trường
3	Tọa đàm khoa học						

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số người	Số ngày	Đơn giá	Số tiền	Ghi chú
	Thù lao khách mời tham dự tọa đàm: 20 người x 01 buổi x 300.000đ	Người	20	1	300,000	6,000,000	Thông tư 03/2023/TT-BTC
	Tiền nước uống: 20 người x 50.000đ	Người	20	1	50,000	1,000,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
4	Thuê chuyên gia viết kịch quay phim điện dã: 40.000.000đ/26 ngày = 1.538.000đ x 15 ngày	Kịch bản	20	1	1,538,000	30,760,000	Thông tư số 7/2026/TT-BNV
5	Kinh phí phục dựng lại các không gian ca Huế					195,000,000	
	Phục dựng lại không gian ca Huế (trong cung, nhà quan, nhà giàu (nhà vườn)	Không gian	3		50,000,000	150,000,000	Thanh toán theo thực tế
	Thuê không gian nhà dân, trên sông, Cầu lạc bộ (thuê thuyền, dựng bối cảnh nhà dân, CLB)	Không gian	3		15,000,000	45,000,000	Thanh toán theo thực tế
6	Kinh phí Cung cấp tư liệu cho Hội đồng thẩm định các tiết mục ca Huế					94,500,000	
	Khai thác tư liệu cũ về ca Huế để phục hồi các bài bản ít thực hành hoặc đã thất truyền.	Gói				15,000,000	Thanh toán theo thực tế
	Ký âm và dịch các bài bản ca Huế từ thư tịch cổ: 100 trang x 295.000đ	Trang		100	295,000	29,500,000	Thanh toán theo hợp đồng thỏa thuận
	Nhận xét đánh giá Ủy viên Hội đồng thẩm định các tiết mục và lựa chọn nghệ nhân, nghệ sĩ: 5 người x 20 ngày x 500.000đ/ngày	Người	5	20	500,000	50,000,000	TT 03/2023/TT-BTC
7	Kinh phí tổ chức tập luyện ca Huế					342,800,000	
	Hỗ trợ tiền ăn cho nghệ nhân, nghệ sĩ tập luyện: 8 người/ nhóm x 6 nhóm x 30 ngày x 150.000đ/ngày	Người	48	30	150,000	216,000,000	
	Kinh phí hướng dẫn tập luyện						
	Vé máy bay cho chuyên gia của Viện Âm nhạc Hà Nội - Huế - Hà Nội: 4.500.000đ x 2 vé	Vé		2	4,500,000	9,000,000	Thanh toán theo thực tế
	Tiền ngủ: 2 người x 29 ngày x 600.000đ	Ngày	2	29	600,000	34,800,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Tiền ăn: 2 người x 30 ngày x 300.000đ	Ngày	2	30	300,000	18,000,000	Thông tư 12/2025/TT-BTC
	Tiền công thuê chuyên gia: 2 người x 30 ngày x 500.000đ	Ngày	2	30	500,000	30,000,000	Theo hợp đồng thỏa thuận
	Tiền đi lại trong thời gian tại Huế	Gói				5,000,000	Thanh toán theo thực tế
	Kinh phí khoán gọn cho chuyên gia của Huế (bao gồm cả tiền ăn, thù lao, đi lại): 2 người x 30 ngày x 500.000đ	Người	2	30	500,000	30,000,000	Khoản b điều 5 Nghị định 261/2026/NĐ-CP

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số người	Số ngày	Đơn giá	Số tiền	Ghi chú
8	Kinh phí tổ chức biểu diễn phục vụ quay phim, thu thanh					300,000,000	
	Thù lao chi trả cho nghệ nhân, nghệ sĩ ca Huế: 8 người/nhóm x 5 ngày x 6 không gian x 1.000.000đ/người/ngày	Ngày	30	8	1,000,000	240,000,000	Thanh toán theo thỏa thuận
	Mua quần áo, trang phục: 1.500.000đ/bộ x 40 bộ	Bộ		40	1,500,000	60,000,000	Thanh toán theo giá thị trường
9	Kinh phí thuê Đạo diễn (30 ngày quay tiết mục + 15 ngày quay cảnh + phỏng vấn + 02 ngày đi đường)					446,500,000	
	Thuê tổng đạo diễn: 5.000.000đ x 47 ngày (bao gồm cả tiền ăn, ngủ, thù lao)	Ngày	1	47	5,000,000	235,000,000	Xác định theo giá thị trường
	Thuê đạo diễn hình ảnh tại hiện trường: 4.500.000đ x 47 ngày (bao gồm cả tiền ăn, ngủ, thù lao)	Ngày	1	47	4,500,000	211,500,000	Xác định theo giá thị trường
10	Kinh phí thuê quay phim (30 ngày quay chính + 15 ngày quay cảnh + phỏng vấn + 02 ngày đi đường)					1,145,500,000	
	Thuê quay phim: 3 người x 47 ngày x 2.500.000đ (bao gồm cả tiền ăn, ngủ, thù lao)	Ngày	3	47	2,500,000	352,500,000	Thuê dịch vụ theo giá thị trường bao gồm nhân công, thiết bị chuyên dụng
	Thuê kỹ sư âm thanh: 2 người x 47 ngày x 2.500.000đ (bao gồm cả tiền ăn, ngủ, thù lao)	Ngày	2	47	2,500,000	235,000,000	
	Tiền công cho người phụ quay, âm thanh, ánh sáng, hậu cần, tư liệu: 300.000đ x 10 người x 47 ngày	Ngày	10	47	300,000	141,000,000	
	Tiền ngủ cho người phụ quay, âm thanh, ánh sáng, hậu cần, tư liệu: 10 người x 46 ngày x 600.000đ	Ngày	10	46	600,000	276,000,000	
	Tiền ăn cho cán bộ phụ quay, âm thanh, ánh sáng, hậu cần, tư liệu: 10 người x 47 ngày x 300.000đ	Ngày	10	47	300,000	141,000,000	
11	Kinh phí xăng xe, thuê thiết bị làm phim					1,067,000,000	
	Xăng xe 29 chỗ khứ hồi cho đoàn quay phim	Gói	1	1	25,000,000	25,000,000	Thanh toán theo giá thị trường
	Thuê bum quay di động: 47 ngày x 1.500.000đ	Ngày		47	1,500,000	70,500,000	Thanh toán theo giá thị trường
	Thuê hệ thống day trượt cho máy quay: 47 ngày x 800.000đ	Ngày		47	800,000	37,600,000	Thanh toán theo giá thị trường
	Máy camera và chân máy: 3 máy x 47 ngày x 2.000.000đ/máy	Ngày	3	47	2,000,000	282,000,000	Thanh toán theo giá thị trường

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số người	Số ngày	Đơn giá	Số tiền	Ghi chú
	Dàn máy thu thanh kỹ thuật số: 47 ngày x 2.500.000đ	Ngày		47	2,500,000	117,500,000	Đây là hệ thống âm thanh gồm: card dijgi 03 rack, 01 máy tính Max coi7, 01 bộ plugin wave maccrì, dây rắc đồng bộ của hãng protool digins
	Thuê dàn đèn, dây, thiết bị quay phim: 47 ngày x 800.000đ	Ngày		47	800,000	37,600,000	4 Bóng đèn kit 1000w, 4 Bóng đèn Kino + Chân đèn (đèn máng để quay phim) ánh sáng 5000độ K, thiết bị phản quang....
	Micro không dây: 8 cái x 47 ngày x 800.000đ	Ngày	8	47	800,000	300,800,000	Bộ micro không dây electrosonic MM400c và MM 400B chuyên thu âm điện dẫ. Bộ đầu Micro Omi và cardio
	Micro dinamic: 8 cái x 47 ngày x 500.000đ/cái	Ngày	8	47	500,000	188,000,000	Micro dynamic và acoautic, micro shop mk2, kk4, mk5
	Ổ cứng lưu dữ liệu, Pin thu thanh	Gói				8,000,000	TT theo hóa đơn thực tế
D	KINH PHÍ DỰNG PHIM HỒ SƠ					544,000,000	
1	Xây dựng, hoàn thiện phim tài liệu khoa học về ca Huế, thời lượng 30-60 phút, phục vụ công tác xây dựng hồ sơ đề cử UNESCO”					182,200,000	
	Thuê người viết kịch bản nội dung phim	Kịch bản				25,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê đạo diễn dựng phim (bản tiếng Việt + Anh)	Kịch bản				30,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê kỹ sư dựng phim (Bản tiếng Việt + Anh)	Kịch bản				30,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê người làm kỹ xảo điện ảnh	Người				25,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê kỹ sư dựng âm thanh cho phim (Tiếng Việt + Anh)	Người				20,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê người viết lời bình phim 30-60 phút	Người				15,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê người dịch lời bình phim sang tiếng Anh: 20 trang x 360.000đ	Trang	20		360,000	7,200,000	Thông tư 35/2026/TT-BTC
	Thuê người nước ngoài biên tập, hiệu đính tiếng Anh lời bình phim	Người				10,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê người nước ngoài đọc lời bình tiếng Anh	Người				10,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê người đọc lời bình tiếng Việt	Người				5,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số người	Số ngày	Đơn giá	Số tiền	Ghi chú
	Thuê làm phụ đề tiếng Anh cho phim	Người				5,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
2	Dựng Phim 10 phút giới thiệu di sản (song ngữ Việt - Anh) - Phim 10 phút là phim chính thức gửi đi Unesco					185,400,000	
	Thuê người viết kịch bản nội dung phim	Kịch bản				30,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê đạo diễn dựng phim (bản tiếng Việt + Anh)	Kịch bản				30,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê kỹ sư dựng phim (Bản tiếng Việt + Anh)	Kịch bản				30,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê người làm kỹ xảo điện ảnh	Người				25,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê kỹ sư dựng âm thanh cho phim (Tiếng Việt + Anh)	Người				20,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê người viết lời bình phim 10 phút	Người				15,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê người dịch lời bình phim sang tiếng Anh: 15 trang x 360.000đ	Trang	15		360,000	5,400,000	Thông tư 35/2026/TT-BTC
	Thuê người nước ngoài biên tập, hiệu đính tiếng Anh lời bình phim	Người				10,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê người nước ngoài đọc lời bình tiếng Anh	Người				10,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê người đọc lời bình tiếng Việt	Người				5,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê làm phụ đề tiếng Anh cho phim	Người				5,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
3	Sản xuất đĩa CD âm thanh					63,000,000	
	Thuê người biên tập, biên soạn nội dung chương trình đĩa CD	Người				15,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Hòa âm Audio-CD (Cân chỉnh âm thanh, mix âm thanh)	Người				20,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Làm đĩa Master CD	Đĩa				8,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê người viết tờ cài giới thiệu cho đĩa CD (viết, biên tập, đọc bồng...)	Gói				15,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	In đĩa, bìa đĩa, mặt đĩa: 50 chiếc x 100.000đ/chiếc	Chiếc	50		100,000	5,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
4	Thực hiện Video 10 phút hoàn chỉnh thể hiện tiếng nói của cộng đồng ủng hộ các tuyên bố được ghi trong hồ sơ					53,400,000	
	Thuê người viết kịch bản xây dựng biên tập nội dung	Kịch bản				10,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê đạo diễn dựng Video	Kịch bản				15,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số người	Số ngày	Đơn giá	Số tiền	Ghi chú
	Thuê kỹ sư dựng Video	Kịch bản				10,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê kỹ sư dựng âm thanh cho Video	Người				8,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
	Thuê người dịch sang tiếng Anh phần nội dung để làm phụ đề	Trang	15		360,000	5,400,000	Thông tư 35/2026/TT-BTC
	Thuê làm phụ đề tiếng Anh cho Video	Người				5,000,000	TT theo hợp đồng thỏa thuận
5	Thuê thiết bị dựng phim (khoảng 60 ngày)					60,000,000	
	Thuê bàn dựng kỹ thuật số (trọn gói 2 bộ phim 10 phút và 60 phút)					60,000,000	TT theo hóa giá thị trường
E	KINH PHÍ XÂY DỰNG BỘ ẢNH HỒ SƠ, SÁCH MINH HỌA HỒ SƠ					420,000,000	
1	Xây dựng Album ảnh: (ghi chú, tác giả, thời gian chụp..., song ngữ Việt - Anh)					20,000,000	
2	Xây dựng tài liệu phụ trợ cho bộ hồ sơ khoa học					400,000,000	
	Xuất bản sách kỷ yếu Hội thảo khoa học trong nước	Gói				150,000,000	TT theo hóa giá thị trường
	Xuất bản sách kỷ yếu khoa học quốc tế thành sách giới thiệu Di sản	Gói				250,000,000	TT theo hóa giá thị trường
F	KINH PHÍ ĐI BẢO VỆ HỒ SƠ CẤP QUỐC TẾ VÀ ĐÓN NHẬN DANH HIỆU GHI DANH					1,000,000,000	
1	Kinh phí đi bảo vệ hồ sơ cấp quốc tế (phụ thuộc số lượng người đi và quốc gia tổ chức phiên họp của Unesco - Tạm tính	Gói	1		1,000,000,000	1,000,000,000	tạm tính
H	Chi phí đầu tư và dự phòng phí					100,000,000	tạm tính
	Tổng cộng (A+B+C+D+E+F):					9,873,111,500	

(Số tiền bằng chữ: Chín tỷ tám trăm bảy mươi ba triệu một trăm mười một nghìn năm trăm đồng)